

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 812/2024/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Đoàn Dương H**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **Tổ A, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

- **Bị đơn:** Bà **Đỗ Thị Kim T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Tổ A, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 28/8/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông **Đoàn Dương H** và bà **Đỗ Thị Kim T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đoàn Dương H** và bà **Đỗ Thị Kim T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **Đỗ Thị Kim T** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con chung là **Đoàn Đỗ Hoàng L**, sinh ngày 29/12/2008.

Ông **Đoàn Dương H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con **Đoàn Đỗ Hoàng L** cho bà

Đỗ Thị Kim T với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp đến khi cháu **L** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông **Đoàn Dương H.**

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu người bị thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Ông **H** và bà **T** không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **H** và bà **T** trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông **Đoàn Dương H** đồng ý nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, theo biên lai thu số 0016772 ngày 19/8/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND H.Trảng Bom;
- THADS H.Trảng Bom;
- UBND xã Sông Trầu, H.Trảng Bom, T.Đồng Nai (GCNKH số 98 ngày 09/9/2020);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Lê Hữu Phúc